

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 41/2021/HS-ST

Ngày: 17 /6/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Nghề nghiệp: Nguyên là giáo viên.

Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – nghề nghiệp: Giáo viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Như - Thư ký Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ Q, TỈNH N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 17 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ Q, TỈNH N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2021/HSST ngày 05 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

Họ và tên: Phan Thị H, sinh ngày 26 tháng 3 năm 1979 tại xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn, TỈNH N. Nơi cư trú: Thôn T, xã Bình Mỹ, huyện B, TỈNH N; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Q, sinh năm 1940 và bà Mai Thị Ph (đã chết); có chồng Lê Văn T (đã ly hôn), có hai con nhỏ nhất sinh năm 2011, lớn nhất sinh năm 2010; tiền án: Ngày 14/9/2017 Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt Phan Thị H 02 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 130/2017/HSST, bị cáo chấp hành án phạt tù tại Trại giam Tổng Lê Chân, đến ngày 24/3/2019 thì chấp hành xong, chưa được xóa án tích; nhân thân: Ngày 18/9/2013, bị cáo Phan Thị H bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 17 tháng 18 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 45/2013/HSST. Ngày 23/01/2015, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xử phạt Phan Thị H 10 tháng tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 09 tháng tại Bản án số 45/2013/HSST ngày 18/9/2013, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 01 năm 07 tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản”, thời hạn tính từ ngày 11/11/2014 theo Bản án số 15/2015/HSST , Phan Thị H chấp hành án phạt tù tại trại giam Xuân Lộc, đến ngày 05/4/2016 thì chấp hành xong, đã được xóa án tích ; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/02/2021 cho đến nay.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị H: Ông Bùi Phú V – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước TỈNH N.

Bị hại:

- Chị Nguyễn Lê Ngọc L, sinh ngày 10/10/2004; địa chỉ: Thôn 4, xã Nghĩa Đông, THÀNH PHỐ Q, TỈNH N.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn L, sinh năm 1967 và bà Lê Thị H, sinh năm 1977 (cha mẹ đẻ của L)

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 5, thôn Phước Tích, xã Bình Mỹ, huyện B, TỈNH N.

Bị cáo có mặt; chị L, ông L, bà H, bà Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 19/12/2020, bị cáo Phan Thị H đi xe buýt từ nhà ở thôn Thạch An, xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn, TỈNH N đến chợ Quảng Ngãi thuộc tổ 02, phường Nguyễn Nghiêm, THÀNH PHỐ Q, TỈNH N nhằm mục đích tìm người nào sơ hở để trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài. Tại đây, bị cáo H gặp và nói chuyện với chị Nguyễn Thị Th đang mua đồ cho con tại chợ Quảng Ngãi. Sau đó chị Th tiếp tục đi mua đồ cho con, còn bị cáo H đi dạo xung quanh chợ để tìm người nào sơ hở thì móc túi trộm cắp tài sản. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, chị Nguyễn Lê Ngọc L đi đến chợ Quảng Ngãi để mua đồ. Khi đi đến chợ Quảng Ngãi, chị L có để 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3s 16GB, màu đỏ, số IMEI 1: 866269041050810, số IMEI 2: 866269041050802 trong túi áo khoác bên trái. Khi chị L đang xem ba lô tại một cửa hàng ở tầng trệt thì bị cáo H tiếp cận chị L để trộm cắp điện thoại di động. Lợi dụng lúc chị L sơ hở, không chú ý, bị cáo H đứng phía sau chị L rồi lén lút dùng tay phải lấy trộm điện thoại di động ra khỏi túi áo khoác của chị L. Sau khi lấy được điện thoại di động, bị cáo H cầm đi ra khỏi chợ, đến trạm chờ xe buýt trước chợ để đón xe đi về nhà. Lúc này, chị L phát hiện mình bị mất điện thoại di động, chị Th đang mua đồ gần đó, chị L nghi ngờ chị Th lấy điện thoại của mình nên đã nắm tay chị Th lại để hỏi và cùng bảo vệ chợ Quảng Ngãi đến Công an phường Nguyễn Nghiêm trình báo sự việc. Khi bị cáo H chuẩn bị đón xe buýt đi về nhà thì nghe thấy mọi người nói trong chợ có người bị mất điện thoại di động, bị cáo lo sợ trong chợ có camera sẽ quan sát thấy việc mình trộm cắp điện thoại di động của chị L nên bị cáo H đã đến Công an phường Nguyễn Nghiêm giao nộp điện thoại di động đã trộm cắp được và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 75/KL-HĐĐGTS ngày 05/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự THÀNH PHỐ Q kết luận: Điện thoại di động OPPO A3s trên có trị giá là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Tạm giữ từ bị cáo Phan Thị H: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3s 16GB, màu đỏ, số IMEI 1: 866269041050810, số IMEI 2: 866269041050802. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an THÀNH PHỐ Q đã trả lại tài sản cho người bị hại.

Về dân sự: Chị Nguyễn Lê Ngọc L đã nhận lại điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3s 16GB, màu đỏ, số IMEI 1: 866269041050810, số IMEI 2: 866269041050802. Chị L không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Đối với Nguyễn Thị Th: Cơ quan điều tra đã điều tra làm rõ chị Nguyễn Thị Th không bàn bạc, thỏa thuận với bị cáo Phan Thị H để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nói trên. Chị Th cũng không biết việc bị cáo Phan Thị H thực hiện hành vi trộm cắp điện thoại di động của chị Nguyễn Lê Ngọc L. Bản thân chị L cũng không biết ai là người đã trộm cắp tài sản của mình. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý đồng phạm đối với chị Nguyễn Thị Th về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT – VKS ngày 28 tháng 4 năm 2021 và tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ Q giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phan Thị H từ 06 tháng đến 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Phan Thị H có ý kiến: Thống nhất với ý kiến về tội danh Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ Q đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt với những nội dung: Giá trị chiếc điện thoại bị cáo chiếm đoạt là 1.500.000 đồng và bị cáo đã trả lại cho người bị hại, bị hại không khiếu nại, thắc mắc gì. Bị cáo H đã thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp điện thoại của chị L nhưng sau đó bị cáo ăn năn liên tục mình đến trình báo Công an phường Nguyễn Nghiêm về hành vi phạm tội của mình. Như vậy bị cáo đã tự nhận tội khi chưa ai biết bị cáo là chủ thể thực hiện hành vi trộm cắp điện thoại của chị L. Trong quá trình điều tra và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo. Đồng thời, bị cáo đã ly hôn chồng, một mình bị cáo nuôi hai con nhỏ, gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo thuộc thành viên gia đình cận nghèo theo giấy chứng nhận hộ cận nghèo số 01/GCN – HN.HCN ngày 07/01/2021, bị cáo có ông nội là liệt sĩ, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ những phân tích các tình tiết giảm nhẹ trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm h, r, s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo H từ 8 – 12 tháng cải tạo không giam giữ để bị cáo có cơ hội chăm sóc hai con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an THÀNH PHỐ Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Phan Thị H là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức điều khiển được hành vi của mình, biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chị L, bị cáo đứng phía sau chị L rồi lén lút dùng tay phải lấy trộm cắp điện thoại di động ra khỏi túi áo khoác của chị L, định giá tài sản chiếc điện thoại bị chiếm đoạt là 1.500.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo H đã 03 lần bị kết án về tội: “Trộm cắp tài sản”, lần bị kết án gần nhất vào ngày 14/9/2017, bị cáo Hoanh bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 24/3/2019, chưa được xóa án tích. Vì bị cáo H chưa được xóa án tích đối với tội trộm cắp trước đó nên lần phạm tội này mặc dù tài sản trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng, bị cáo H vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo H thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự xem thường pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn THÀNH PHỐ Q, nên cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội nên cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Để áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả của bị cáo gây ra nhưng cũng thể hiện được chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự, Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt cho bị cáo đều phải xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại” và “gây thiệt hại không lớn” cho bị cáo theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, chiếc điện thoại bị cáo chiếm đoạt có giá trị 1.500.000 đồng nhưng bị cáo H chưa được xóa án tích đối với tội trộm cắp trước đó nên lần phạm tội này mặc dù tài sản trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000đ, bị cáo H vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy giá trị thiệt hại 1.500.000 đồng này đã là dấu hiệu định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt. Đồng thời đã sử dụng tình tiết có định lượng (tuy dưới 2.000.000 đồng) tức là đã có thiệt hại, gây thiệt hại không lớn nên không thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ: “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại” do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến này của người bào chữa cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “người phạm tội tự thú” theo điểm r Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo H đã thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp điện thoại của chị L nhưng sau đó bị cáo ăn năn liên tục mình đến trình báo Công an phường Nguyễn Nghiêm về hành vi phạm tội của mình. Như vậy bị cáo đã tự nhận tội khi chưa ai biết bị cáo là chủ thể thực hiện hành vi trộm cắp điện thoại của chị L, nên Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại Điểm r Khoản

1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo là một thiếu sót.

Trong quá trình điều tra và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đồng thời, bị cáo đã ly hôn chồng, một mình bị cáo nuôi hai con nhỏ, gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo thuộc thành viên gia đình cận nghèo theo giấy chứng nhận hộ cận nghèo số 01/GCN – HN.HCN ngày 07/01/2021, bị cáo có ông nội là liệt sĩ đồng thời bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ý kiến của người bào chữa và Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[3.3] Về tiền án: 01 tiền án về về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 130/2017/HSST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, đến ngày 24/3/2019 thì chấp hành xong, chưa được xóa án tích.

[3.4] Về nhân thân: Ngày 18/9/2013, bị cáo Phan Thị H bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 17 tháng 18 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 45/2013/HSST. Ngày 23/01/2015, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xử phạt Phan Thị H 10 tháng tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 09 tháng tại Bản án số 45/2013/HSST ngày 18/9/2013, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 01 năm 07 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tính từ ngày 11/11/2014 theo Bản án số 15/2015/HSST, đến ngày 05/4/2016 thì chấp hành xong, đã được xóa án tích.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận định Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ Q đề nghị mức hình phạt như trên đối với bị cáo là phù hợp với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cho bị cáo từ 8 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ là không phù hợp với tính chất mức độ hành vi của bị cáo như những nhận định trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Đối với chị Nguyễn Thị Th: Cơ quan điều tra đã điều tra làm rõ chị Nguyễn Thị Th không bàn bạc, thỏa thuận với bị cáo Phan Thị H để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nói trên. Chị Th cũng không biết việc bị cáo Phan Thị H thực hiện hành vi trộm cắp điện thoại di động của chị Nguyễn Lê Ngọc L. Bản thân chị L cũng không biết ai là người đã trộm cắp tài sản của mình. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý đồng phạm đối với chị Nguyễn Thị Th về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an THÀNH PHỐ Q đã trả lại tài sản trộm cắp là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3s 16GB, màu đỏ, số IMEI 1: 866269041050810, số IMEI 2: 866269041050802 cho chị L, chị L đã nhận được.

[6] Về bồi thường dân sự: Chị L đã nhận lại chiếc điện thoại bị trộm cắp, chị L không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Ngày 14/6/2021, bị cáo có đơn đề nghị miễn án phí vì bị cáo là thành viên thuộc hộ gia đình cận nghèo theo giấy chứng nhận hộ

cận nghèo số 01/GCN – HN.HCN ngày 07/01/2021. Căn cứ vào quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử chấp nhận bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm .

[8] Tuyên quyền kháng cáo cho người tham gia tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Phan Thị H 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật ./.

Nơi nhận:

- TANDtỉnhQ;
- VKSND TỈNH N;
- VKSND TP.Q
- CQ.CSĐT Công an TP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- Cơ quan THAHS CATP.Q;
- Phòng quản lý hồ sơ nghiệp vụ CATP.QNg;
- Sở Tư pháp TỈNH N;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Túc